

KNOWLEDGE AND ATTITUDES TOWARD THE LGBT COMMUNITY AMONG STUDENTS AT THE VNU UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Luu Quang Long^{1,2}, Nguyen Duy Thuc²,
Nguyen Hieu Duong², Hoang Thuy Duong², Nguyen Dang Kien¹, Nguyen Quang^{1,2*}

¹Center for Male Sexual Medicine, Viet Duc University Hospital - 40 Trang Thi, Hoan Kiem Ward, Hanoi City, Vietnam

²University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi -
144 Xuan Thuy, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 15/09/2025

Revised: 28/09/2025; Accepted: 08/10/2025

ABSTRACT

Objective: This study aimed to describe the knowledge and attitudes of medical students toward the LGBT community and to analyze related factors.

Methods: A cross-sectional study was conducted among 330 students from various disciplines using an online self-administered questionnaire. Knowledge was assessed through 11 true/false questions, while attitudes were measured using the ATLG-16 scale. Reliability was evaluated with KR-20 for the knowledge scale and Cronbach's α for the attitude scale. Data analysis included descriptive statistics, Mann-Whitney U, Kruskal-Wallis, and multiple linear regression.

Results: The mean knowledge score (mean $\pm$ SD) was 6.88 ± 2.22 out of 11, with a median (IQR) of 7.00 (3.00). The mean attitude score was 4.02 ± 0.86 out of 5, with a median of 4.28 (1.14), reflecting moderate knowledge and positive attitudes. Multivariable analysis showed that female gender, having LGBT friends or relatives, and being enrolled in the medical program (compared with laboratory technology) were significant predictors of higher knowledge and attitude scores ($p < 0.05$). By contrast, year of study and religion showed no statistically significant associations.

Conclusion: Overall, medical students demonstrated fairly good knowledge and generally positive attitudes toward LGBT people, though important gaps remain. These findings highlight the need for integrating LGBT health topics into the medical curriculum and creating structured opportunities for students to engage with LGBT individuals. Such strategies could reduce prejudice and strengthen the capacity of future healthcare professionals to provide inclusive and comprehensive care.

Keywords: LGBT, medical students, knowledge, attitudes.

*Corresponding author

Email: quangvietduc@gmail.com Phone: (+84) 903201919 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD17.3426>

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VÀ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG LGBT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Lưu Quang Long^{1,2}, Nguyễn Duy Thực²,
Nguyễn Hiếu Dương², Hoàng Thùy Dương², Nguyễn Đăng Kiên¹, Nguyễn Quang^{1,2*}

¹Trung tâm Nam học, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - 40 Tràng Thi, P. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, P. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 15/09/2025

Ngày sửa: 28/09/2025; Ngày đăng: 08/10/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ của sinh viên y dược đối với cộng đồng LGBT và phân tích các yếu tố liên quan.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang trên 330 sinh viên nhiều ngành, sử dụng bảng hỏi trực tuyến để đánh giá. Độ tin cậy được kiểm định bằng KR-20 và Cronbach's α . Phân tích số liệu với thống kê mô tả, Mann-Whitney U, Kruskal-Wallis và hồi quy tuyến tính đa biến.

Kết quả: Điểm kiến thức trung bình (mean $\pm$ SD) là $6,88 \pm 2,22/11$, với trung vị (median, IQR) là 7,00 (3,00), điểm thái độ trung bình là $4,02 \pm 0,86/5$, với trung vị 4,28 (1,14), phản ánh mức kiến thức khá và thái độ tích cực. Các yếu tố dự báo có ý nghĩa gồm giới tính sinh học nữ, có bạn bè hoặc người thân là LGBT, và học ngành y khoa so với kỹ thuật xét nghiệm. Năm học và tôn giáo không cho thấy khác biệt có ý nghĩa.

Kết luận: Sinh viên có kiến thức và thái độ nhìn chung tích cực với LGBT, nhưng vẫn tồn tại khoảng trống cần cải thiện. Tích hợp đào tạo về sức khỏe LGBT trong chương trình giảng dạy và tạo cơ hội tiếp xúc có định hướng được xem là biện pháp cần thiết nhằm giảm định kiến và nâng cao năng lực chăm sóc y tế toàn diện.

Từ khóa: LGBT, sinh viên y dược, kiến thức, thái độ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những người thuộc cộng đồng LGBT thường gặp nhiều trở ngại khi tìm kiếm dịch vụ y tế, không chỉ do định kiến xã hội mà còn vì sự thiếu nhạy cảm văn hóa và kỹ năng giao tiếp toàn diện trong thực hành. Do đó, kiến thức và thái độ của sinh viên khối khoa học sức khỏe - những cán bộ y tế tương lai - có vai trò quan trọng trong việc xây dựng môi trường chăm sóc công bằng, tôn trọng sự đa dạng giới.

Tại Việt Nam, chưa có một thống kê đầy đủ nào đưa ra ước lượng chính xác về số lượng người LGBT, song theo ước tính của Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường (iSEE) dựa trên báo cáo của IPSOS Global Survey (2021) hiện ở Việt Nam có 9-11% dân số thuộc cộng đồng LGBT, tương đương khoảng 10,1 triệu người thuộc cộng đồng này [1]. Những năm gần đây, xã hội có cái nhìn cởi mở hơn, song định kiến và quan niệm sai lầm vẫn tồn tại. Trong đào tạo y khoa, nội dung liên quan đến sức khỏe người thuộc cộng đồng LGBT còn hạn chế, thiếu sự thống nhất và lồng

ghép chưa đầy đủ. Một số khảo sát gợi ý sinh viên có thái độ khá tích cực nhưng kiến thức chưa đồng đều, đặc biệt về bản dạng giới, xu hướng tính dục và kỹ năng giao tiếp.

Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả thực trạng kiến thức và thái độ đối với cộng đồng LGBT của sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội và phân tích các yếu tố liên quan. Kết quả kỳ vọng cung cấp bằng chứng nền cho điều chỉnh chương trình, bồi dưỡng giảng viên, thiết kế hoạt động tiếp xúc có giám sát và xây dựng môi trường đào tạo bao trùm.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng là các sinh viên chính thức đang theo học

*Tác giả liên hệ

Email: quangvietduc@gmail.com Điện thoại: (+84) 903201919 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD17.3426>

tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội, các ngành: y khoa, răng hàm mặt, dược học, điều dưỡng, kỹ thuật hình ảnh, kỹ thuật xét nghiệm từ năm 1 đến năm 6.

Tiêu chí loại trừ: sinh viên không theo học tại trường, từ chối tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả nhằm mô tả thực trạng kiến thức và thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT.

2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu tối thiểu được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Với $p = 0,5$ (tối đa hóa cỡ mẫu), $Z = 1,96$, ứng với $\alpha = 0,05$, $d = 0,05$, xác định được cỡ mẫu $n = 324$. Cỡ mẫu thực tế thu được là 330 sinh viên.

- Lấy mẫu thuận tiện qua phiếu khảo sát tự điền trực tuyến (Google Forms) gửi tới toàn bộ sinh viên; khuyến khích tham gia tự nguyện và ẩn danh. Không áp dụng phân tầng theo ngành/năm, do đó quy mô mỗi nhóm có thể khác nhau.

2.4. Công cụ nghiên cứu

Công cụ nghiên cứu là bảng hỏi tự điền gồm 3 phần, chi tiết bảng hỏi gồm:

- Thông tin nhân khẩu - xã hội học.

- Kiến thức về LGBT: 11 phát biểu đúng/sai. Trả lời đúng = 1 điểm; sai/không trả lời = 0 điểm. Tổng điểm kiến thức 0-11 (điểm cao hơn phản ánh hiểu biết tốt hơn). Bảng câu hỏi về kiến thức có tham khảo thang SEKHQ do Dunjić-Kostić phát triển và đã được điều chỉnh ngữ cảnh tiếng Việt.

- Thái độ đối với người đồng tính nữ và nam (ATLG) dựa trên thang đo do Herek phát triển, gồm 16 mục, thang Likert 1-5 (1 “hoàn toàn không đồng ý” đến 5 “hoàn toàn đồng ý”). Các mục phủ định được mã hóa ngược, điểm cao hơn phản ánh thái độ tích cực hơn. Điểm thái độ được tính là trung bình của 16 mục sau khi đảo mã (1-5). Thang đo đã được điều chỉnh ngữ cảnh phù hợp với tiếng Việt.

Trước khi đưa vào sử dụng, bảng hỏi được tiền khảo sát trên 30 sinh viên để hiệu chỉnh ngôn ngữ. Độ tin cậy nội tại: thang kiến thức dùng KR-20 (tương đương Cronbach's α cho biến nhị phân), cho điểm 0,62. Thang thái độ có điểm Cronbach's α là 0,94.

Khảo sát hoàn toàn tự nguyện, ẩn danh; người tham gia đồng thuận trước khi làm bảng hỏi (khoảng 5-10 phút). Phiếu trả lời thu thập trong một đợt liên tục, mỗi người chỉ trả lời 1 lần.

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 25. Điểm kiến thức và thái độ được trình bày đồng thời dưới dạng median [IQR] và mean $\pm$ SD (mô tả). Điểm kiến thức (0-11 điểm) được phân loại thành 3 mức: thấp (0-3 điểm), trung bình (4-7 điểm) và cao (8-11 điểm). Điểm thái độ là trung bình 16 mục trên thang 1-5 và được phân loại thành: tiêu cực (1,00-2,99 điểm), trung lập (3,00-3,99 điểm) và tích cực (4,00-5,00 điểm). Các mức này phục vụ mô tả tần suất (%); tất cả phân tích suy luận (so sánh nhóm) sử dụng điểm liên tục bằng kiểm định Mann-Whitney U (2 nhóm) và Kruskal-Wallis H (≥ 3 nhóm); không thực hiện hậu kiểm sau Kruskal-Wallis nên chỉ kết luận khác biệt tổng thể. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến áp dụng cho tổng điểm kiến thức (0-11 điểm) và điểm thái độ trung bình (1-5 điểm), báo B, β , 95% CI, p và Adjusted R^2 , đồng thời kiểm tra giả định (tuyến tính, đồng nhất phương sai, chuẩn tính phần dư) và đa cộng tuyến (VIF). Ý nghĩa thống kê hai phía $p < 0,05$.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Về đặc điểm của mẫu nghiên cứu, tổng cộng có 330 sinh viên tham gia nghiên cứu. Độ tuổi trung bình là $20,33 \pm 1,55$. Sinh viên năm 1 và năm 2 chiếm tỷ lệ cao nhất (29,1% và 33,9%), năm 6 ít nhất (1,8%). Về ngành học, sinh viên y khoa là 128 (38,8%); dược học 25,2%; điều dưỡng 13,9%; các ngành còn lại $< 15\%$. Về giới tính sinh học, nữ chiếm 63,6%, nam 34,6%.

Trong số người tham gia, 65,2% cho biết có bạn bè hoặc người thân thuộc cộng đồng LGBT; 34,8% không có tiếp xúc cá nhân trực tiếp. Về xu hướng tính dục, đa số xác định là dị tính (81,5%); 12,7% song tính; 5,8% đồng tính. Về tôn giáo, đa số không theo tôn giáo nào (87,0%); 7,6% theo Phật giáo; 5,5% Công giáo.

Bảng 1. Mức độ hiểu biết và thái độ của sinh viên đại học y dược đối với cộng đồng LGBT

Biến số	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Kiến thức median (IQR) = 7,00 (3,00); mean $\pm$ SD = 6,88 $\pm$ 2,22		
Cao	145	43,9
Trung bình	157	47,6
Thấp	28	8,5

Biến số	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Thái độ median (IQR) = 4,28 (1,14); mean $\pm$ SD = 4,02 $\pm$ 0,86		
Tích cực	198	60,0
Trung tính	94	28,5
Tiêu cực	38	11,5

*IQR = khoảng tứ phân vị (P75-P25);
các mức phân loại dùng cho mô tả: kiến thức thấp
(0-3 điểm), trung bình (4-7 điểm), cao (8-11 điểm);
thái độ tiêu cực (1,00-2,99 điểm), trung tính
(3,00-3,99 điểm), tích cực (4,00-5,00 điểm).*

Về mức độ hiểu biết và thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT, điểm kiến thức của sinh viên phần lớn đạt mức trung bình đến cao với 43,9% cao, 47,6% trung bình và chỉ 8,5% thấp. Điểm thái độ có 60,0% sinh viên thể hiện thái độ tích cực, 28,5% trung lập và 11,5% tiêu cực. Nhìn chung, sinh viên có mức hiểu biết khá và thái độ nhìn chung tích cực đối với cộng đồng LGBT.

Bảng 2. So sánh điểm kiến thức và thái độ theo đặc điểm cá nhân (n = 330)

Đặc điểm	Tổng điểm kiến thức median (IQR)	p	Điểm trung bình thái độ median (IQR)	p
Giới tính	Nam: 6,0 (IQR = 4,0)	< 0,001	Nam: 3,66 (IQR = 1,19)	< 0,001
	Nữ: 8,0 (IQR = 3,0)		Nữ: 4,50 (IQR = 0,75)	
Bạn bè, người thân là LGBT	Không: 6,0 (IQR = 4,0)	< 0,001	Không: 3,66 (IQR = 1,19)	< 0,001
	Có: 8,0 (IQR = 3,0)		Có: 4,50 (IQR = 0,75)	
Xu hướng tính dục	Dị tính: 7,0 (IQR = 4,0)	< 0,001	Dị tính: 4,31 (IQR = 0,94)	< 0,001
	Đồng tính: 9,0 (IQR = 2,0)		Đồng tính: 4,75 (IQR = 0,50)	
	Song tính: 8,0 (IQR = 2,0)		Song tính: 4,62 (IQR = 0,69)	
Tôn giáo	Không: 7,0 (IQR = 4,0)	0,909	Không: 4,31 (IQR = 1,06)	0,500
	Phật giáo: 7,0 (IQR = 3,5)		Phật giáo: 4,50 (IQR = 0,81)	
	Công giáo: 7,0 (IQR = 3,0)		Công giáo: 4,06 (IQR = 1,06)	
Ngành học	Y khoa: 8,0 (IQR = 3,0)	0,011	Y khoa: 4,38 (IQR = 1,00)	0,352
	Răng hàm mặt: 7,0 (IQR = 3,75)		Răng hàm mặt: 4,38 (IQR = 1,19)	
	Dược: 7,0 (IQR = 3,0)		Dược: 4,06 (IQR = 1,25)	
	Điều dưỡng: 7,0 (IQR = 3,0)		Điều dưỡng: 4,13 (IQR = 1,14)	
	Kỹ thuật hình ảnh: 5,5 (IQR = 4,0)		Kỹ thuật hình ảnh: 4,13 (IQR = 1,14)	
	Kỹ thuật xét nghiệm: 7,0 (IQR = 2,0)		Kỹ thuật xét nghiệm: 4,31 (IQR = 1,06)	
Năm học	Năm 1: 7,0 (IQR = 3,75)	0,441	Năm 1: 4,38 (IQR = 1,00)	0,108
	Năm 2: 7,0 (IQR = 3,0)		Năm 2: 4,38 (IQR = 0,75)	
	Năm 3: 6,5 (IQR = 3,0)		Năm 3: 4,06 (IQR = 1,25)	
	Năm 4: 7,0 (IQR = 2,0)		Năm 4: 3,94 (IQR = 1,19)	
	Năm 5: 8,0 (IQR = 3,0)		Năm 5: 4,06 (IQR = 1,19)	
	Năm 6: 8,0 (IQR = 3,0)		Năm 6: 4,31 (IQR = 1,06)	

Ngưỡng ý nghĩa $\alpha = 0,05$; $p < 0,05$ coi là có ý nghĩa

Khi phân tích sơ bộ điểm kiến thức và thái độ theo một số đặc điểm cá nhân, so sánh theo giới tính cho thấy nữ sinh viên có điểm kiến thức và thái độ cao hơn so với nam sinh viên ($p < 0,001$). Bên cạnh đó, nhóm sinh viên có bạn bè hoặc người thân thuộc cộng đồng LGBT cũng đạt điểm kiến thức và thái độ cao hơn so với nhóm không có ($p < 0,001$). Điểm kiến thức và thái độ khác biệt theo xu hướng tình dục ($p <$

0,001), trong đó nhóm xu hướng tình dục đồng tính và song tính cao hơn nhóm dị tính. Tôn giáo không liên quan đến điểm kiến thức ($p = 0,909$) hay thái độ ($p = 0,500$). Theo ngành học, y khoa có thứ hạng trung bình cao nhất; điểm thái độ không khác biệt theo ngành học ($p = 0,352$). Năm học không cho thấy khác biệt ở cả kiến thức ($p = 0,441$) và thái độ ($p = 0,108$).

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến các yếu tố dự báo tổng điểm kiến thức về LGBT

Biến độc lập	Hệ số B (B)	Sai số chuẩn (SE B)	Hệ số chuẩn hóa (Beta)	t	p	VIF
Hằng số	3,451	0,784		4,402	< 0,001	
Có bạn bè, người thân là LGBT (so với không có)	1,253	0,231	0,271	5,418	< 0,001	1,098
Giới tính sinh học nữ (so với nam)	1,529	0,248	0,328	6,169	< 0,001	1,237
Ngành y khoa (so với ngành kỹ thuật xét nghiệm)	1,265	0,551	0,278	2,298	0,022	6,382

Các biến năm học, các ngành học khác, xu hướng tình dục và tôn giáo không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) nên không được trình bày chi tiết trong bảng này; VIF < 10 cho thấy không có đa cộng tuyến nghiêm trọng

Sau khi thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính đa biến thì chỉ còn các biến độc lập: có bạn bè hoặc người thân thuộc cộng đồng LGBT ($B = 1,253$, $p < 0,001$), giới tính nữ ($B = 1,529$, $p < 0,001$) và học

ngành y khoa ($B = 1,265$, $p = 0,022$) là những yếu tố dự báo tích cực, có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến tổng điểm kiến thức.

Bảng 4. Kết quả hồi quy tuyến tính đa biến dự đoán trung bình điểm thái độ về LGBT

Biến độc lập	Hệ số B (B)	Sai số chuẩn (SE B)	Hệ số chuẩn hóa (Beta)	t	p	VIF
Hằng số	3,099	0,247		12,565	< 0,001	
Có bạn bè, người thân là LGBT (so với không có)	0,652	0,085	0,365	7,707	< 0,001	1,098
Giới tính sinh học nữ (so với nam)	0,626	0,091	0,347	6,905	< 0,001	1,237
Ngành y khoa (so với ngành kỹ thuật xét nghiệm)	0,481	0,201	0,273	2,388	0,018	6,382

Các biến năm học, ngành học khác, xu hướng tình dục và tôn giáo không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) nên không được trình bày chi tiết trong bảng này; VIF < 10 cho thấy không có đa cộng tuyến nghiêm trọng.

Tương tự, trong mô hình hồi quy đa biến, 3 biến độc lập còn duy trì được ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT gồm: có bạn bè hoặc người thân thuộc cộng đồng LGBT ($B = 0,652$, $p < 0,001$), giới tính sinh học nữ ($B = 0,626$, $p < 0,001$) và học ngành y khoa ($B = 0,481$, $p = 0,018$).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu hiện tại cho thấy phần lớn sinh viên đã có mức độ hiểu biết nhất định và thể hiện thái độ tương đối tích cực đối với cộng đồng LGBT. Phát hiện này tương đồng với nghiên cứu của Eric Ardmán và cộng sự (2021) tại Trường Đại học Y Hà Nội, khi phần lớn sinh viên cũng cho thấy thái độ tích cực đối với người đồng tính nam và nữ [2]. Tuy nhiên, mức điểm kiến thức trung bình trong nghiên

cứu của Eric Ardman chỉ đạt 12,5/32 câu hỏi, phản ánh sự hạn chế về hiểu biết liên quan đến LGBT trong nhóm sinh viên này. So sánh với kết quả tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội, điểm kiến thức trung bình của sinh viên cao hơn (6,8/11 câu hỏi), cho thấy mức độ hiểu biết tương đối tốt hơn. Sự chênh lệch này có thể được lý giải bởi nhiều yếu tố. Trước hết, yếu tố thời gian đóng vai trò quan trọng: các nghiên cứu trước đây được tiến hành trong bối cảnh xã hội và chương trình đào tạo về LGBT ở Việt Nam còn hạn chế, trong khi nghiên cứu của chúng tôi diễn ra ở giai đoạn mà sự quan tâm của truyền thông, chính sách giáo dục và xã hội đối với chủ đề này đã gia tăng đáng kể, giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận thông tin đầy đủ và chính xác hơn. Ngoài ra, sự khác biệt về thang đo đánh giá kiến thức cũng cần được lưu ý, khi nghiên cứu hiện tại sử dụng bộ câu hỏi ngắn gọn hơn (11 mục) so với các thang đo dài và chi tiết hơn (32 mục), điều này có thể ảnh hưởng đến mức độ phân loại và so sánh kết quả. Bên cạnh đó, mức độ tiếp xúc thực tế với người thuộc cộng đồng LGBT cũng khác biệt giữa các bối cảnh. Trường Đại học Y Dược thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội - một môi trường đa ngành không chỉ giới hạn ở lĩnh vực y dược, nơi sinh viên có nhiều cơ hội giao lưu với bạn học từ các ngành học khác nhau, có thể góp phần làm gia tăng trải nghiệm tiếp xúc và từ đó ảnh hưởng tích cực đến hiểu biết cũng như thái độ.

Đối với các yếu tố liên quan, phát hiện trong nghiên cứu này nhìn chung phù hợp với xu hướng được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu trong nước và quốc tế. Cụ thể, kết quả cho thấy sinh viên có giới tính sinh học là nữ có mức độ hiểu biết tốt và thái độ tích cực hơn so với sinh viên có giới tính sinh học là nam trong các vấn đề liên quan đến cộng đồng LGBT. Xu hướng này đã được khẳng định trong nghiên cứu tại Việt Nam như nghiên cứu của Nguyễn Hoài Bắc và cộng sự (2024), cho thấy nữ giới thường có cái nhìn tích cực hơn về đa dạng tính dục, ít mang định kiến và kỳ thị [3]. Trên bình diện quốc tế, kết quả này tương đồng với các nghiên cứu của Herek G.M (2002), Worthington R.L và cộng sự (2005), trong đó cho thấy nữ giới thường thể hiện mức độ hiểu biết, đồng cảm cao hơn, cởi mở hơn với sự khác biệt và ít thể hiện các thành kiến tiêu cực đối với người đồng tính hoặc chuyển giới [4-5]. Các nghiên cứu này chỉ ra rằng sự khác biệt giới trong thái độ có thể bắt nguồn từ các yếu tố xã hội học, như vai trò giới được nuôi dạy từ nhỏ, cũng như xu hướng nữ giới được khuyến khích phát triển sự đồng cảm và chấp nhận sự đa dạng trong các mối quan hệ xã hội. Đồng thời, nam giới trong nhiều bối cảnh văn hóa - bao gồm Việt Nam - có thể chịu ảnh hưởng của bởi các chuẩn mực truyền thống, từ đó gia tăng xu hướng kỳ thị hoặc giữ khoảng cách đối với những biểu hiện giới tính không theo khuôn mẫu.

Yếu tố “có người thân hoặc bạn bè thuộc cộng đồng LGBT” không chỉ là một biến dự báo mạnh mẽ cho

thái độ tích cực mà còn thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về các vấn đề liên quan đến cộng đồng này. Việc tiếp xúc trực tiếp với người thuộc cộng đồng LGBT giúp cá nhân vượt qua những định kiến truyền thống vốn phổ biến trong xã hội, đồng thời tạo ra sự gắn kết cảm xúc và nhận thức thực tế hơn về đa dạng giới tính và xu hướng tính dục. Điều này đã được Allport G.W (1954) đề cập đến trong *The Nature of Prejudice*, trong đó việc tiếp xúc trực tiếp và tích cực giữa các nhóm xã hội khác biệt sẽ giúp giảm thiểu định kiến và kỳ thị, từ đó nâng cao sự hiểu biết và chấp nhận lẫn nhau [6]. Nghiên cứu của Herek G.M và cộng sự (1999) đã chứng minh những người có bạn bè hoặc người thân LGBT có kiến thức chính xác hơn và thái độ ít kỳ thị hơn so với nhóm không có mối quan hệ đó [7]. Trên bình diện các nghiên cứu trong nước, theo Nguyễn Hoài Bắc và cộng sự, những người có người thân, bạn bè thuộc cộng đồng LGBT thường thể hiện thái độ tích cực hơn và mức độ hiểu biết cao hơn về các vấn đề LGBT [3]. Điều này cho thấy tác động của mối quan hệ xã hội trong việc thúc đẩy sự tiếp nhận và hòa nhập cộng đồng LGBT, một yếu tố quan trọng trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, nơi định kiến và kỳ thị vẫn còn tồn tại [8].

Kết quả hồi quy của nghiên cứu cho thấy sinh viên học ngành y khoa là yếu tố dự báo có ý nghĩa thống kê đối với cả kiến thức và thái độ về cộng đồng LGBT. Điều này cho thấy môi trường đào tạo và nội dung chương trình của ngành y có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp cận và hiểu biết về các vấn đề liên quan đến sức khỏe giới tính và cộng đồng LGBT. Tuy vậy, kết quả nghiên cứu chưa cho thấy bằng chứng của sinh viên ngành y khoa có hiểu biết tốt hơn và thái độ tích cực hơn đối với cộng đồng LGBT so với các ngành khác như răng hàm mặt, dược học, kỹ thuật hình ảnh hay điều dưỡng. Sự không khác biệt này có thể được giải thích bởi một số nguyên nhân. Trước hết, các ngành học này đều thuộc khối ngành y dược, với chương trình đào tạo có nhiều điểm tương đồng về kiến thức cơ bản và thực hành liên quan đến sức khỏe, trong đó có những nội dung liên quan đến đa dạng giới tính và xu hướng tính dục. Vì vậy, sự khác biệt về kiến thức và thái độ giữa các ngành có thể không quá lớn hoặc chưa được thể hiện rõ trong phạm vi mẫu nghiên cứu. Ở Việt Nam, các nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò của ngành học trong trường đại học y còn hạn chế, đặc biệt trong các ngành khoa học sức khỏe ngoài y khoa. Ngoài ra, do sự khác biệt trong cách phân chia ngành học và cơ cấu đào tạo y khoa giữa các quốc gia, đặc biệt là giữa các trường y ở nước ngoài và hệ thống đào tạo tại Việt Nam, các nghiên cứu quốc tế thường không trực tiếp so sánh hay phân tích mối liên quan cụ thể giữa việc học ngành y và kiến thức, thái độ về cộng đồng LGBT như trong bối cảnh của các trường y Việt Nam. Vì vậy việc áp dụng kết quả nghiên cứu từ các nước vào hoàn cảnh Việt Nam cần được cân nhắc kỹ lưỡng, đồng thời khuyến khích thực hiện các nghiên cứu trong nước nhằm đánh giá cụ thể vai trò

của ngành học trong việc hình thành nhận thức và thái độ của sinh viên y khoa đối với cộng đồng LGBT.

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng yếu tố tín ngưỡng và tôn giáo có ảnh hưởng đáng kể đến thái độ và nhận thức về cộng đồng LGBT. Cụ thể, các cá nhân có mức độ tín ngưỡng cao hoặc theo các tôn giáo bảo thủ thường thể hiện thái độ ít cởi mở hơn và mang nhiều định kiến hơn đối với người thuộc cộng đồng LGBT (Herek G.M, 2002; Marsden R và cộng sự, 2020) [4], [9]. Sự ảnh hưởng này được lý giải bởi những giáo lý và giá trị truyền thống trong các hệ thống tôn giáo có thể không ủng hộ sự đa dạng về giới tính và xu hướng tình dục, từ đó dẫn đến sự kỳ thị hoặc không chấp nhận. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của chúng tôi, yếu tố tín ngưỡng và tôn giáo không được xác định là biến dự báo có ý nghĩa đối với kiến thức và thái độ của sinh viên về cộng đồng LGBT. Một lý do có thể giải thích cho sự khác biệt này là đặc điểm mẫu nghiên cứu, trong đó phần lớn người tham gia không theo tôn giáo hoặc không xác định rõ tín ngưỡng cá nhân. Do đó, khả năng đánh giá tác động của yếu tố này trong mẫu là hạn chế và chưa phản ánh chính xác vai trò của tín ngưỡng trong thái độ xã hội về LGBT. Điều này phù hợp với quan điểm của các nghiên cứu như nghiên cứu của Francis L.J và cộng sự (2011), trong đó nhấn mạnh rằng mức độ ảnh hưởng của tôn giáo đối với thái độ xã hội có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào đặc điểm dân cư và tỷ lệ tín đồ trong mẫu nghiên cứu [10].

Nghiên cứu của chúng tôi tồn tại một số hạn chế nhất định. Đặc điểm mẫu nghiên cứu chủ yếu là sinh viên chưa theo tôn giáo hoặc không xác định rõ tín ngưỡng, do đó việc đánh giá tác động của yếu tố tôn giáo và tín ngưỡng có thể chưa phản ánh chính xác trong toàn bộ cộng đồng sinh viên. Kích thước mẫu có thể chưa đủ lớn hoặc chưa phân bố đều giữa các ngành học, gây hạn chế trong việc phát hiện sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm ngành khác nhau. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang nên không thể xác định được mối quan hệ nhân quả giữa các biến, đồng thời dữ liệu thu thập dựa trên tự báo cáo có thể gặp phải hiện tượng sai lệch do trả lời theo chiều hướng xã hội mong muốn. Những hạn chế này gợi ý cần có các nghiên cứu sâu hơn, thiết kế dài hạn hoặc định tính để bổ sung và làm rõ hơn các phát hiện hiện tại.

5. KẾT LUẬN

Sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội nhìn chung có kiến thức và thái độ tích cực đối với cộng đồng LGBT. Điểm số cao hơn được ghi nhận ở nhóm nữ, nhóm có bạn bè hoặc người thân là LGBT và nhóm sinh viên ngành y khoa; trong khi tôn giáo, năm học và hầu hết các ngành khác không có khác biệt đáng kể.

Kết quả gợi ý vai trò của giới tính, ngành học và mức độ tiếp xúc cá nhân trong hình thành kiến thức, thái độ, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của các nghiên cứu theo dõi hoặc can thiệp để làm rõ quan

hệ nhân quả và đánh giá hiệu quả các chương trình đào tạo về sức khỏe giới tính và LGBT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Thành, Phạm Quốc Việt, Phạm Văn Long. Báo cáo đánh giá tác động kinh tế của hôn nhân cùng giới tại Việt Nam. Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường, 12/2021.
- [2] Eric Ardman, Vu Minh Anh, Dao Thi Dieu Thuy, Le Minh Giang. Attitudes and Knowledge of Medical Students in Hanoi regarding Lesbian and Gay People. *Journal of Homosexuality*, 2021, 68 (14), 2359-2374. <https://doi.org/10.1080/00918369.2020.1804257>.
- [3] Nguyễn Hoài Bắc, Nguyễn Cao Thắng, Hồ Ánh Sáng, Nguyễn Khánh Huy. Chuẩn hóa phiên bản tiếng Việt của thang đo thái độ đối với Lesbian và Gay bản rút gọn (ATLG-S) của Herek. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 2024, 537 (2), 189-192. <https://doi.org/10.51298/vmj.v537i2.9232>.
- [4] Herek G.M. Gender gaps in public opinion about lesbians and gay men. *Public Opinion Quarterly*, 2002, 66 (1), 40-66. <https://doi.org/10.1086/338409>.
- [5] Worthington R.L, Dillon F.R, Becker-Schutte A.M. Development, Reliability, and Validity of the Lesbian, Gay, and Bisexual Knowledge and Attitudes Scale for Heterosexuals (LGB-KASH). *Journal of Counseling Psychology*, 2005, 52 (1), 104-118. <https://doi.org/10.1037/0022-0167.52.1.104>.
- [6] Allport G.W. The nature of prejudice. Addison-Wesley, 1954.
- [7] Herek G.M, Gillis J.R, Cogan J.C. Psychological heterosexism in the United States. In G. M. Herek (Ed.), *Stigma and sexual orientation: Understanding prejudice against lesbians, gay men, and bisexuals* Sage Publications, 1999, pp. 94-115.
- [8] Human Rights Watch. My Teacher Said I Had a Disease: Barriers to the Right to Education for LGBT Youth in Vietnam, 2020. <https://www.hrw.org/report/2020/02/12/my-teacher-said-i-had-disease/barriers-right-education-lgbt-youth-vietnam>.
- [9] Marsden R, Barnett A. Gender and attitudes toward transgender people: The role of empathy and social identity. *Journal of Social Issues*, 2020, 76 (3), 552-570. <https://doi.org/10.1111/josi.12399>.
- [10] Francis L.J, Wilcox C. The influence of religion and religious affiliation on attitudes towards homosexuality in England. *Journal of Contemporary Religion*, 2011, 26 (2), 257-274. <https://doi.org/10.1080/13537903.2011.572259>.